

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 205/2020/DS-ST

Ngày: 22-7-2020

V/v tranh chấp dân sự thừa kế
quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Tăng.

Các Thẩm phán: Ông Ngô Tấn Lợi
Ông Phạm Ngọc Giao

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn, là Thư ký Tòa án nhân dân, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Tài- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26/6/2020 và ngày 22/7/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 132/2020/TLST-DS ngày 17/02/2020, về việc “*Tranh chấp dân sự - Thừa kế quyền sử dụng đất*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 228/2020/QĐXXST- DS ngày 11 tháng 5 năm 2020, Quyết định tạm ngừng phiên tòa phúc thẩm số 275/2020/QĐ-PT ngày 26/6/2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Phạm Thị T, sinh năm 1970;

Địa chỉ: Ấp Mỹ P 2, xã Mỹ Q, huyện Tháp M, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp: Ông Thái Quang T, sinh năm 1975. Là người đại diện theo ủy quyền, văn bản ủy quyền ngày 08/12/2019.

Địa chỉ: Số , Nguyễn Thị Minh K, Phường , thành phố Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

2. *Bị đơn:* Phạm Thị M, sinh năm 1947.

Địa chỉ: Ấp Mỹ P 2, xã Mỹ Q, huyện Tháp M, tỉnh Đồng Tháp.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Phạm Thị B, sinh năm 1941.

Địa chỉ: Ấp Tân T, xã Mỹ H, huyện Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp: Chị Phạm Thị D, sinh năm 1990. Là người đại diện theo ủy quyền, văn bản ủy quyền ngày 08/12/2017.

Địa chỉ: Ấp Mỹ H C, xã Mỹ Đức Đ, huyện Cái B, tỉnh Tiền Giang.

3.2. Phạm Thị L, sinh năm 1949.

Địa chỉ: Ấp Mỹ P 2, xã Mỹ Q, huyện Tháp M, tỉnh Đồng Tháp.

3.3. Phạm Thị N, sinh năm: 1957.

Địa chỉ: Ấp , xã Phong M, huyện Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

3.4. Phạm Thị L, sinh năm: 1962.

Địa chỉ: Ấp Mỹ P, xã Mỹ Q, huyện Tháp M, tỉnh Đồng Tháp.

3.5. Phạm Thị Kim E, sinh năm: 1966.

Địa chỉ: Ấp , xã Mỹ Đ, huyện Tháp M, tỉnh Đồng Tháp.

3.6. Phạm Thị G, sinh năm: 1967.

Địa chỉ: Ấp , xã Mỹ Đ, huyện Tháp M, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của bà L, bà N, bà L1, bà Kim E, bà Gg: Ông Thái Quang T, sinh năm 1975. Là người đại diện theo ủy quyền, văn bản ủy quyền ngày 08/12/2017 và ngày 25/6/2020.

Địa chỉ: Số , Nguyễn Thị Minh K, Phường , TP Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

3.7. Chị Phạm Thị D, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Ấp Mỹ H C, xã Mỹ Đức Đ, huyện Cái B, tỉnh Tiền Giang.

Hộ bà M:

3.8. Bùi Văn B, sinh năm: 1938.

3.9. Bùi Hữu T, sinh năm: 1982.

3.10. Bùi Thị L, sinh năm: 1984.

3.11. Bùi Hữu T1, sinh năm: 1991.

3.12. Lâm Thị B Thuyền, sinh năm: 1984.

3.13. Lê Văn K, sinh năm: 1984.

3.14. Võ Thị N, sinh năm: 1992.

Cùng địa chỉ: Ấp Mỹ P 2, xã Mỹ Qu, huyện Tháp M, tỉnh Đồng Tháp.

Hộ bà T:

3.15. Đinh Văn C, sinh năm: 1960.

3.16. Đinh Minh L, sinh năm: 1989.

3.17. Đinh Tấn L, sinh năm: 1995.

3.18. Đinh Phước D, sinh năm: 1998.

3.19. Đinh Thị Ngọc N, sinh năm: 2005.

Cùng địa chỉ: Ấp Mỹ P 2, xã Mỹ Qu, huyện Tháp M, tỉnh Đồng Tháp.

Ông T, bà M, chị D, anh L có mặt tại phiên tòa. Các đương sự còn lại vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Phạm Thị T, người đại diện theo ủy quyền của bà T là ông Thái Quang T trình bày:

Cụ Phạm Văn C (chết năm 1975) và cụ Trần Thị B (chết năm 2004) có 09 người con: 1. Phạm Thị B; 2. Phạm Thị M; 3. Phạm Thị P (chết); 4. Phạm Thị L; 5. Phạm Thị N; 6. Phạm Thị L1; 7. Phạm Thị Kim E; 8. Phạm Thị G; 9. Phạm Thị T. Cụ C, cụ B chết không có để lại di chúc.

Sau khi cha mẹ chết thì bà Phạm Thị P chết năm 2005, bà P có con tên Phạm Thị D, nhưng không xác định được cha là ai.

Lúc sinh thời cha, mẹ có khai mở đất hoang để xây dựng nhà ở và trồng lúa. Trong quá trình sử dụng đất, cụ B có chia đất ruộng cho các con nhưng không xác định mỗi người diện tích bao nhiêu.

Phần đất còn lại thuộc thửa 646, diện tích 5.625m^2 , loại đất CLN và thửa 647, diện tích 2.362m^2 , loại đất ONT, cùng tờ bản đồ số 9, xã Mỹ Quý, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, khi cụ B còn sống thì sống chung với bà L.

Trên đất có nhà của cụ B do bà L sử dụng; nhà của bà T và nhà của bà M, nhưng không xác định xây dựng thời gian nào.

Bà T cất nhà trên đất diện tích khoảng 340m^2 , thửa 647 và quản lý sử dụng $1.969,6\text{m}^2$, thuộc thửa 646.

Trong quá trình sử dụng, bà M dành sử dụng ngang $16,8\text{m}$, dài từ Kênh Mỹ Phước 2 đến kênh thủy lợi, nhưng trước đây ngày 21/01/2013, các chị em có họp gia đình chia thừa kế, qua đó các chị em thống nhất chia di sản thừa kế của cha, mẹ cho bà M diện tích ngang 16m , dài 30m , phần còn lại bà L và bà T tự thỏa thuận sử dụng, nhưng bà M không thống nhất nên chia thừa kế không thành.

Nay, bà T yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất diện tích 5625m^2 , thuộc thửa 646, bà yêu cầu được nhận diện tích 625m^2 ($5625 : 9 = 625$) và diện tích đất 2362m^2 , thuộc thửa 647, bà yêu cầu được nhận diện tích $262,4\text{m}^2$ ($2362 : 9 = 262,4$), đất tọa lạc ấp Mỹ Phước 2, xã Mỹ Quý. Bà yêu cầu được nhận phần có chiều ngang $6,48\text{m}$, chiều dài đến giáp kênh thủy lợi.

- Bị đơn bà Phạm Thị M trình bày:

Bà thống nhất lời trình bày của bà T về hàng thừa kế của cụ B và nguồn gốc đất, nhưng đất cụ C, cụ B bà sử dụng từ trước năm 1970, diện tích bà sử dụng ngang khoảng $16,8\text{m}$, dài từ Kênh Mỹ Phước 2 đến kênh thủy lợi, trên đất có 02 căn nhà (01 nhà bê tông, 01 nhà cây tạp) do bà cất và một số cây lâu năm.

Bà M không đồng ý theo cầu của bà T và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chia thừa kế làm 09 phần, bà đồng ý chia thừa kế làm 03 phần bằng nhau cho bà (M) bà L, bà T. Lý do không đồng ý chia làm 09 phần là phần đất này do công sức đóng góp của bà rất nhiều và bà lo cho các em từ lúc nhỏ.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị B, bà Phạm Thị L, bà Phạm Thị N, bà Phạm Thị L1, bà Phạm Thị Kim E, bà Phạm Thị G và chị Phạm Thị D trình bày: Thống nhất hàng thừa kế, nguồn gốc đất theo lời trình bày của bà T và có yêu cầu như sau:

1. Bà Phạm Thị N yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất diện tích 5625m^2 , thuộc thửa 646, tờ bản đồ số 09, bà yêu cầu được nhận diện tích 625m^2 ($5.625 : 9 = 625$) và diện tích đất 2.362m^2 , thuộc thửa 647, tờ bản đồ số 09, bà yêu cầu được nhận diện tích $262,4\text{m}^2$ ($2.362 : 9 = 262,4$). Bà yêu cầu được nhận phần có chiều ngang 6,48m, chiều dài đến giáp kênh thủy lợi.

2. Bà Phạm Thị Kim E yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất diện tích 5625m^2 , thuộc thửa 646, tờ bản đồ số 09, bà yêu cầu được nhận diện tích 625m^2 ($5.625 : 9 = 625$) và diện tích đất 2.362m^2 , thuộc thửa 647, tờ bản đồ số 09, bà yêu cầu được nhận diện tích $262,4\text{m}^2$ ($2.362 : 9 = 262,4$). Bà yêu cầu được nhận phần có chiều ngang 6,48m, chiều dài đến giáp kênh thủy lợi.

3. Chị Phạm Thị D trình bày: Chị là con của bà Phạm Thị P (bà P chết năm 2005), cha thì chị không xác định là ai, chị là người thừa kế duy nhất của bà P. Nay, chị yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất diện tích 5.625m^2 , thuộc thửa 646, tờ bản đồ số 09, bà yêu cầu được nhận diện tích 625m^2 ($5.625 : 9 = 625$) và diện tích đất 2.362m^2 , thuộc thửa 647, tờ bản đồ số 09, bà yêu cầu được nhận diện tích $262,4\text{m}^2$ ($2.362 : 9 = 262,4$). Chị yêu cầu được nhận phần có chiều ngang 6,48m, chiều dài đến giáp kênh thủy lợi.

4. Bà Phạm Thị B ủy quyền cho chị Diễm yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất diện tích 5.625m^2 , thuộc thửa 646, tờ bản đồ số 09, bà yêu cầu được nhận diện tích 625m^2 ($5.625 : 9 = 625$) và diện tích đất 2.362m^2 , thuộc thửa 647, tờ bản đồ số 09, bà yêu cầu được nhận diện tích $262,4\text{m}^2$ ($2.362 : 9 = 262,4$). Bà yêu cầu được nhận phần có chiều ngang 6,48m, chiều dài đến giáp kênh thủy lợi.

5. Bà Phạm Thị G yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất diện tích 5.625m^2 , thuộc thửa 646, tờ bản đồ số 09, bà yêu cầu được nhận diện tích 625m^2 ($5.625 : 9 = 625$) và diện tích đất 2.362m^2 , thuộc thửa 647, tờ bản đồ số 09, bà yêu cầu được nhận diện tích $262,4\text{m}^2$ ($2.362 : 9 = 262,4$), đất tọa lạc ấp Mỹ Phước 2, xã Mỹ Quý. Bà yêu cầu được nhận phần có chiều ngang 6,48m, chiều dài đến giáp kênh thủy lợi.

6. Bà Phạm Thị L yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất diện tích 5.625m^2 , thuộc thửa 646, tờ bản đồ số 09, bà yêu cầu được nhận diện tích 625m^2 ($5.625 : 9$

= 625) và diện tích đất 2.362m^2 , thuộc thửa 647, tờ bản đồ số 09, bà yêu cầu được nhận diện tích $262,4\text{m}^2$ ($2.362 : 9 = 262,4$). Bà L yêu cầu được nhận phần có chiều ngang 6,48m, chiều dài đến giáp kênh thủy lợi. Bà Lê đồng ý di dời nhà và tài sản trên đất để các chị em chia đất.

7. Bà Phạm Thị L1 yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất diện tích 5625m^2 , thuộc thửa 646, tờ bản đồ số 09, bà yêu cầu được nhận diện tích 625m^2 ($5.625 : 9 = 625$) và diện tích đất 2.362m^2 , thuộc thửa 647, tờ bản đồ số 09, bà yêu cầu được nhận diện tích $262,4\text{m}^2$ ($2.362 : 9 = 262,4$). Bà yêu cầu được nhận phần có chiều ngang 6,48m, chiều dài đến giáp kênh thủy lợi.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Bùi Văn B, anh Bùi Hữu T, chị Bùi Thị L, anh Bùi Hữu T1, Chị Lâm Thị Bích Th, chị Võ Thị N trình bày:

Ông B và các anh chị: T, L, T1, Th, K, N có ý kiến là do bà M toàn quyền quyết định sự việc có liên quan đến đất tranh chấp và có đơn đề nghị vắng mặt trong quá trình Tòa án các cấp hòa giải, xét xử.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Đinh Văn C, anh Đinh Minh L, anh Đinh Tấn L1, Đinh Phước D, Đinh Thị Ngọc N trình bày:

Ông C và các anh chị: L, L1, D, Ngà có ý kiến là do bà Tùng toàn quyền quyết định sự việc có liên quan đến đất tranh chấp và có đơn đề nghị vắng mặt trong quá trình Tòa án các cấp hòa giải, xét xử.

Tại Bản án dân sự số 86/2019/DS-ST ngày 26/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Tháp M tuyên xử:

Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của bà Phạm Thị T; Phạm Thị L; Phạm Thị N; Phạm Thị L1; Phạm Thị Kim E; Phạm Thị G về việc sở hữu chung chia thừa kế quyền sử dụng đất diện tích đo đạc thực tế 4.332,8 thuộc một phần thửa đất số 646 trong phạm vi các mốc M20- M2- M4- M9- M20 và diện tích đo đạc thực tế $1.716,6\text{m}^2$ thuộc một phần thửa đất số 647 trong phạm vi các mốc M20- M9- M8- M19- M20 cùng tờ bản đồ số 9, xã Mỹ Quý.

Chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị B, chị Phạm Thị D về việc chia thừa kế quyền sử dụng đất với bà Phạm Thị M.

Buộc bà Phạm Thị M trả giá trị quyền sử dụng đất chia thừa kế cho bà Phạm Thị B 70.616.000 đồng và chị Phạm Thị D 70.616.000 đồng.

Bà Phạm Thị M được quyền sử dụng diện tích đo đạc thực tế $1.793,3\text{m}^2$ thuộc một phần thửa đất số 646 trong phạm vi các mốc M9- M4- M5- M6- M9 và diện tích đo đạc thực tế $649,5\text{m}^2$ thuộc một phần thửa đất số 647 trong phạm vi các mốc M6- M9- M8- M7- M6 cùng tờ bản đồ số 9, xã Mỹ Quý.

Đương sự được quyền đến cơ quan có thẩm quyền để kê khai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích được giao theo quy định của pháp luật.

Kèm theo phụ lục mảnh trích đo địa chính (số 01- 2018, trích đo hiện trạng (Bổ sung theo Công văn số 607/CV-TA ngày 26/11/2019 của Tòa án) của Công ty TNHH Dịch vụ và đo đạc Bảo Long đo vẽ ngày 26/11/2019.

Về chi phí đo đạc, định giá: Bà L, bà N, bà L1, bà Kim E, bà G, bà B, bà M, chị D mỗi người có trách nhiệm hoàn trả lại cho bà T 603.000 đồng.

Về án phí:

Bà Phạm Thị L, bà Phạm Thị N, bà Phạm Thị M, bà Phạm Thị B được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm (Người cao tuổi).

Bà Phạm Thị T phải chịu 3.992.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 1.802.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 01627 ngày 10/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tháp Mười, bà Tùng phải nộp thêm 2.190.000 đồng.

Bà Phạm Thị L1 phải chịu 3.992.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 1.802.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003862 ngày 17/9/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tháp M, bà L1 phải nộp thêm 2.190.000 đồng.

Bà Phạm Thị Kim E phải chịu 3.992.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 1.802.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003860 ngày 17/9/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tháp M, bà Kim E phải nộp thêm 2.190.000 đồng.

Bà Phạm Thị G phải chịu 3.992.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 1.802.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003861 ngày 17/9/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tháp M, bà G phải nộp thêm 2.190.000 đồng.

Chị Phạm Thị D phải chịu 3.531.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 1.802.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003859 ngày 17/9/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tháp M, chị Diễm phải nộp thêm 1.729.000 đồng.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên thời hạn kháng cáo, quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 09/12/2019 bà Phạm Thị B và chị Phạm Thị D có đơn kháng cáo yêu cầu được hưởng thừa kế bằng hiện vật là phần diện tích đất.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát Tỉnh, phát biểu việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng chấp hành tốt quy định của pháp luật và đề xuất hướng giải quyết là không chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Thị B và chị Phạm Thị D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguồn gốc đất tranh chấp thửa đất 646 và 647, tờ bản đồ số 9 là của cụ Phạm Văn C (chết 1975) và cụ Trần Thị B (chết 2004), để lại. Cụ C và cụ B chung sống với nhau có 09 người con: 1. Phạm Thị B; 2. Phạm Thị M; 3. Phạm Thị P (chết); 4. Phạm Thị L; 5. Phạm Thị N; 6. Phạm Thị L1; 7. Phạm Thị Kim E; 8. Phạm Thị G; 9. Phạm Thị T. Cụ C, cụ B chết không có để lại di chúc. Sau khi cụ B chết thì phần đất của cụ B để lại hiện do bà Phạm Thị M, bà Phạm Thị T và bà Phạm Thị L quản lý sử dụng.

Cụ C và cụ T chết không để lại di chúc, nên các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật cho 09 người con của cụ B và cụ C mỗi người để hưởng 01 suất thừa kế bằng nhau. Bà M cũng thống nhất chia thừa kế phần đất của cụ B chết để lại cho mỗi người được hưởng 01 suất thừa kế bằng nhau.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà M thống nhất phần đất của cụ B và cụ C, sau trừ diện tích đất khu mộ, phần còn lại chia thành 03 phần cho bà T, bà L và bà M mỗi người được hưởng 01 phần bằng nhau, các nguyên đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không đồng ý theo cách chia của bà M.

[3] Theo mảnh trích đo địa chính ngày 26/11/2019, thì bà M đang quản lý sử dụng phần đất thửa 647 diện tích $649,5m^2$, thửa 646, diện tích $1.793,3m^2$. Bà T và bà L đang quản lý sử dụng thửa 647, diện tích $1.716,6m^2$, thửa 646, diện tích $4.332,8m^2$.

Như vậy, về di sản của cụ B chết để lại:

- Tổng diện tích đất tranh chấp: $8.492,2m^2$
- + Thửa 646, diện tích $6.126,1m^2$.
- + Thửa 647, diện tích $2.366,1m^2$.
- Phần đất bà L, bà T đang quản lý.
- + Thửa 646, diện tích $4.332,8m^2$.
- + Thửa 647, diện tích $1.716,6m^2$.
- Phần đất bà M đang quản lý.
- + Thửa 646, diện tích $1.793,3m^2$.
- + Thửa 647, diện tích $649,5m^2$.
- Diện tích đất tranh chấp chia cho mỗi người được hưởng thừa kế:
- + Thửa 646, diện tích $6.126,1m^2 : 9 = 680,68m^2$.
- + Thửa 647, diện tích $2.366,1m^2 : 9 = 262,9m^2$.

[4] Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Tr là người đại diện theo ủy quyền của bà T và bà L cùng với bà N, bà L1, bà Kim E, bà G thống nhất yêu cầu được sử dụng

chung, phần đất được chia thừa kế tại vị trí mà bà L và bà T đang quản lý theo đo đạc thực tế không yêu cầu chia cụ thể và yêu cầu được trừ diện tích khu mộ **131,3m²** thuộc một phần thửa đất số 646 và một phần thửa đất số 647. Bà M yêu cầu được quản lý sử dụng diện tích đất mà bà M đang quản lý, bà M sẽ trả giá trị cho những người thừa kế.

- Phần đất bà L, bà T, bà N, bà E, bà L1, bà G được hưởng.

+ Thửa 646: $680,68\text{m}^2 \times 6 = 4.084,06\text{m}^2$.

+ Thửa 647: $262,9\text{m}^2 \times 6 = 1.577,4\text{m}^2$.

- Phần đất bà L, bà T, đang quản lý thừa.

+ Thửa 646: $4.332,8\text{m}^2 - 4.084,02\text{m}^2 = 248,74\text{m}^2$

+ Thửa 647: $1.716,6\text{m}^2 - 1.577,4\text{m}^2 = 139,2\text{m}^2$.

- Phần đất bà M đang quản lý thừa.

+ Thửa 646: $1.793,3\text{m}^2 - 680,67\text{m}^2 = 1.112,63\text{m}^2$.

+ Thửa 647: $649,5\text{m}^2 - 262,9\text{m}^2 = 386,6\text{m}^2$.

- Phần đất bà B, chị D được hưởng thừa kế.

+ Thửa 646: $680,67\text{m}^2 \times 2 = 1.361,34\text{m}^2$ (tính $1,361,3\text{m}^2$).

+ Thửa 647: $262,9\text{m}^2 \times 2 = 525,8\text{m}^2$.

- Phần đất các đồng thừa kế giao cho bà B và chị D hưởng thừa kế:

+ Thửa 646: $248,74\text{m}^2 + 1.112,63\text{m}^2 = 1.361,37\text{m}^2$ ((tính $1,361,3\text{m}^2$)).

+ Thửa 647: $139,2\text{m}^2 + 386,6\text{m}^2 = 525,8\text{m}^2$.

[5] Tại phiên toà phúc thẩm, chị D thống nhất trong trường hợp phần đất bà M giao cho bà B và chị D không đủ suất thừa kế thì chị D và bà B cũng không có yêu cầu bà L, bà T, bà N, bà E, bà L1, bà G giao thêm phần đất cho đủ suất thừa kế.

- Như vậy, bà B, chị D được hưởng thừa kế từ phần đất bà M đang quản lý sử dụng là:

+ Thửa 646: $1.112,63\text{m}^2$.

+ Thửa 647: $386,6\text{m}^2$.

[6] Xét, kháng cáo của bà B, chị D yêu cầu được hưởng thừa kế phần đất ở phía sau căn nhà của bà M. Bà M không đồng ý. Xét thấy, phần đất phía sau căn nhà của bà M là phần đất trồng cây lâu năm, trường hợp giao cho bà B, chị D được hưởng thừa kế thì cũng không thuận tiện cho việc sử dụng đất. Mặt khác, hiện nay bà B cũng có đất và nhà ở tại xã Mỹ Hội, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Chị D cũng có đất và nhà ở tại xã Mỹ Đức Đông, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, không có nhu cầu về chỗ ở, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận việc yêu cầu của bà B và chị D, buộc bà M trả giá trị đất cho bà B và chị D.

Theo biên bản định giá ngày 18/11/2019:

+ Thửa 646: $1.112,63\text{m}^2 \times 75.000 \text{ đ/m}^2 = 83.447.000 \text{ đồng}$.

+ Thửa 647: $386,6m^2 \times 97.000 \text{ đ}/m^2 = 37.500.000 \text{ đồng}$.

Cộng: 120.947.000 đồng.

Bà B và chị D mỗi người được hưởng là: $120.947.000 \text{ đ} : 2 = 60.473.500 \text{ đồng}$.

[7] Án sơ thẩm chia phần đất mà bà M đang quản lý thành 03 suất thừa kế và buộc bà M trả giá trị chênh lệch thừa kế cho bà B, chị D mỗi người là 70.616.000 đồng thì sẽ ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà M. Tuy nhiên, sau khi xét xử bà M không có kháng cáo, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Xét, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những cơ sở trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà B và chị D. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử sửa cách tuyên án.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết hạn kháng cáo kháng nghị.

Do giữ nguyên bản án sơ thẩm, nên bà B, chị D phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 650, 651 của Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Thị B, chị Phạm Thị D.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 86/2019/DS-ST ngày 26/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười (về cách tuyên án).

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T, bà Phạm Thị L, bà Phạm Thị N, bà Phạm Thị L1, bà Phạm Thị Kim E, bà Phạm Thị G, bà Phạm Thị B và chị Phạm Thị D.

2. Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của bà Phạm Thị T; bà Phạm Thị L; bà Phạm Thị N; bà Phạm Thị L1; bà Phạm Thị Kim E và bà Phạm Thị G, được thừa kế (chung) quyền sử dụng đất diện tích $4.332,8 m^2$ thuộc một phần thửa đất số 646 trong phạm vi các mốc M20- M2- M4- M9- M20 và diện tích đo đạc thực tế $1.716,6m^2$ thuộc một phần thửa đất số 647 trong phạm vi các mốc M20- M9- M8- M19- M20 cùng tờ bản đồ số 9, xã Mỹ Quý, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

3. Bà Phạm Thị M được thừa kế quyền sử dụng đất diện tích 1.793,3m² thuộc một phần thửa đất số 646 trong phạm vi các mốc M9- M4- M5- M6- M9 và diện tích 649.5m² thuộc một phần thửa đất số 647 trong phạm vi các mốc M6- M9- M8- M7- M6 cùng tờ bản đồ số 9, xã Mỹ Quý, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

4. Buộc bà Phạm Thị M trả giá trị quyền sử dụng đất chia thừa kế cho bà Phạm Thị B 70.616.000 đồng và chị Phạm Thị D 70.616.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án chưa thi hành xong thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian chưa thi hành án đến khi thi hành án xong.

Các đương sự đến cơ quan có thẩm quyền để kê khai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Kèm theo phụ lục mảnh trích đo địa chính số 01-2018, ngày 26/11/2019 (bổ sung theo Công văn số 607/CV-TA ngày 26/11/2019 của Tòa án) của Công ty TNHH Dịch vụ và đo đạc Bảo Long đo vẽ ngày 26/11/2019.

5. Về chi phí xem xét thẩm định, định giá: Tổng cộng 5.427.000 đồng.

Bà T, bà L, bà N, bà L1, bà Kim E, bà G, bà B, bà M, chị D mỗi người phải chịu 603.000 đồng chi phí thẩm định, định giá.

Do bà T đã nộp tạm ứng và đã chi xong, nên bà L, bà N, bà L1, bà Kim E, bà G, bà B, bà M, chị D mỗi người có trách nhiệm 603.000 đồng hoàn trả lại cho bà T.

6. Về án phí:

6.1 Bà Phạm Thị L, bà Phạm Thị N, bà Phạm Thị M, bà Phạm Thị B được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm (Người cao tuổi).

6.2 Bà Phạm Thị T phải chịu 3.992.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 1.802.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 01627 ngày 10/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tháp Mười, bà T phải nộp thêm 2.190.000 đồng.

6.3 Bà Phạm Thị L1 phải chịu 3.992.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 1.802.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003862 ngày 17/9/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tháp Mười, bà L1 phải nộp thêm 2.190.000 đồng.

6.4 Bà Phạm Thị Kim E phải chịu 3.992.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 1.802.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003860 ngày 17/9/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tháp Mười, bà Kim E phải nộp thêm 2.190.000 đồng.

6.5 Bà Phạm Thị G phải chịu 3.992.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 1.802.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003861 ngày 17/9/2018

của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tháp Mười, bà G phải nộp thêm 2.190.000 đồng.

6.6 Chị Phạm Thị D phải chịu 3.531.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ 2.102.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003859 ngày 17/9/2018, biên lai của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tháp Mười, chị D phải nộp thêm 1.729.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện Tháp Mười;
- CCTHADS huyện Tháp Mười;
- Phòng KTNV-THA TA Tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tấn Tạng